

Số: 217/2022/QĐST-DS

Tân Phú, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN HỒ SƠ VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-TP. H

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S,

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận X, Thành phố H,

Địa chỉ liên lạc: 224 L, Phường X, quận T, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Thiên V, sinh năm 19xx;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx,

Địa chỉ hộ khẩu: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A.

XÉT THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, nguyên đơn ghi địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thị D tại số 74/34 V phường T quận T, Thành phố H, văn bản thể hiện bà D có địa chỉ nên trên là “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05/8/2020 do Ngân hàng cung cấp. Do không tổng đạt được thông báo thụ lý cho bà D, Tòa án nhân dân quận T tiến hành xác minh nơi cư trú của bà D, tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/3/2022, Công an phường T, quận T trả lời như sau: “Đương sự Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx không đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ 74/34 V phường T, quận T, Thành phố H”.

Ngày 19/4/2022 Tòa án nhân dân quận T có công văn số 225/TA.QTP về việc hỗ trợ cung cấp thông tin, nội dung đề nghị Công an phường T cho biết Công an phường T, quận T có xác nhận vào “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05/8/2020 do bà D là người làm đơn không? Trường hợp Công an phường T có xác nhận thì hai văn bản là “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05 tháng 8 năm 2020 do bà Nguyễn Thị D là người làm đơn và Kết quả trả lời xác minh của Công an phường T tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, văn bản nào có nội dung đúng chính xác?

Theo đó, Công an phường T trả lời như sau: Công an phường T không xác nhận “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05 tháng 8 năm 2020 do bà Nguyễn Thị D là người làm đơn. Kết quả trả lời theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/3/2022 có nội dung chính xác. “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05 tháng 8 năm 2020 là không chính

xác, và Trưởng Công an phường T giai đoạn 2017-2022 là Trần Văn H, không phải tên Phạm Thị H.

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/8/2020 của bà Nguyễn Thị D có ghi địa chỉ hộ khẩu của bà D tại Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A; căn cứ bản photo Sổ hộ khẩu số 010050680 ngày 11/3/2011 của Công an huyện C, tỉnh A do Ngân hàng cung cấp theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận T ủy thác cho Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh A xác minh nơi cư trú của bà D tại địa chỉ trên, tại biên bản xác minh ngày 12/5/2022, Công an xã M trả lời như sau: “ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx không còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A, không còn sinh sống ở địa phương”.

Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân quận T ban hành Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 40/TB-YCCCCC, yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bị đơn. Tại bản tự khai ngày 03/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày “...bà Nguyễn Thị D chỉ có hai địa chỉ là 74/34 V phường T quận T, Thành phố H và Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A, ngoài ra, nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bà D để cung cấp cho Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật”.

Như vậy, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “Đơn xác nhận tạm trú” ngày 05/8/2020 do bà Nguyễn Thị D là người làm đơn không có giá trị chứng minh vì Công an phường T không xác nhận vào đơn này. Đồng thời, bà D không cư trú tại địa chỉ 74/34 V phường T quận T, Thành phố H theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường T, quận T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A, tuy nhiên hiện không còn đăng ký hộ khẩu tại đây và không còn sinh sống ở địa phương. Như vậy, bà D có nơi cư trú cuối cùng tại Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh A theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2022/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S,

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận X, Thành phố H,

Địa chỉ liên lạc: 224 L, Phường X, quận T, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Thiên V, sinh năm 19xx;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 19xx,

Địa chỉ hộ khẩu: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh A.

Đến Tòa án nhân dân án nhân dân huyện Huyện C, tỉnh A giải quyết theo thẩm quyền.

2. Số tiền tạm ứng án phí 1.605.970 (một triệu sáu trăm lẻ năm ngàn chín trăm bảy mươi) đồng do Ngân hàng TMCP S nộp theo biên lai thu tiền số 0034998 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

3. Các đương sự có quyền khiếu nại quyết định này trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này.

Nơi nhận:

- TAND Huyện C, tỉnh A (Kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND Quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N